



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH



HƯỚNG DẪN ĐẦU TƯ VÀO

TRÀ VINH

A GUIDE TO INVESTING IN TRA VINH PROVINCE - VIETNAM

MỤC LỤC



THƯ NGỎ



PHẦN I: TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

- | | | |
|----|---|------------|
| I | Giới thiệu tổng quan tỉnh Trà Vinh | Trang - 06 |
| II | Tại sao đầu tư vào tỉnh Trà Vinh | Trang - 07 |
| | 1. Vị trí địa lý | Trang - 08 |
| | 2. Tiềm năng và lợi thế đầu tư phát triển | Trang - 09 |



PHẦN II: QUY TRÌNH, THỦ TỤC VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

- | | | |
|----|--|------------|
| I | Quy trình, thủ tục đầu tư chung | Trang - 16 |
| II | Quy trình thủ tục đầu tư của tỉnh Trà Vinh | Trang - 24 |



PHẦN III: CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH

I Lĩnh vực và dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư

Trang - 32

II Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh Trà Vinh

Trang - 34



PHỤ LỤC: CÁC CƠ QUAN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ



THƯ NGỎ

Chào mừng các bạn đến TRÀ VINH - tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông tiếp giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vĩnh Long, phía Nam giáp Sóc Trăng, phía Bắc giáp Bến Tre, có 65 km bờ biển. Diện tích tự nhiên 2.341 km², dân số 1,04 triệu người, với 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Tỉnh Trà Vinh được bao bọc bởi hai nhánh sông Tiền và sông Hậu với hai cửa Cung Hầu và Định An tiếp giáp Biển Đông, thuận lợi để hình thành phát triển các cảng biển trung chuyển. Với điều kiện tự nhiên đồng bằng ven biển, tỉnh Trà Vinh có tiềm năng về phát triển nông, ngư nghiệp phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chế biến, kinh tế biển và ven biển. Khí hậu nhiệt đới gió mùa ôn hòa, với nhiều di tích văn hóa của 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa; các danh lam, thắng cảnh, thuận lợi cho phát triển du lịch.

Hai công trình về giao thông và năng lượng là Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu xuyên qua địa phận tỉnh và Trung tâm Điện lực Duyên Hải với công suất 4.400 Mw là cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng cho Trà Vinh phát triển. Ngoài ra với Khu kinh tế Định An (khu kinh tế trọng điểm ven biển của cả nước), diện tích quy hoạch 39.020 ha (giai đoạn 1 đến năm 2020 diện tích 15.403,7 ha), hiện đã có 22 dự án đăng ký đầu tư; cùng với Khu công nghiệp Long Đức (100ha), Khu Công nghiệp Cầu Quan (120ha), Khu công nghiệp Cổ Chiên (200ha) là địa điểm tốt cho các nhà đầu tư triển khai dự án.

Trà Vinh luôn thực hiện nghiêm túc chính sách ưu đãi đầu tư do Chính phủ ban hành và quan tâm xây dựng bổ sung các chính sách ưu đãi đầu tư đặc thù theo điều kiện của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư. Đồng thời, nỗ lực trong việc cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức năng động và liêm chính, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thông thoáng, minh bạch, công khai. Trà Vinh sẽ là điểm đến đầu tư thật sự hiệu quả cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước có ý định đầu tư.

“Hướng dẫn đầu tư vào tỉnh Trà Vinh” là một cuốn cẩm nang (guidebook) hữu ích, cần thiết không thể thiếu đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp đã và đang có ý định khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào tỉnh.

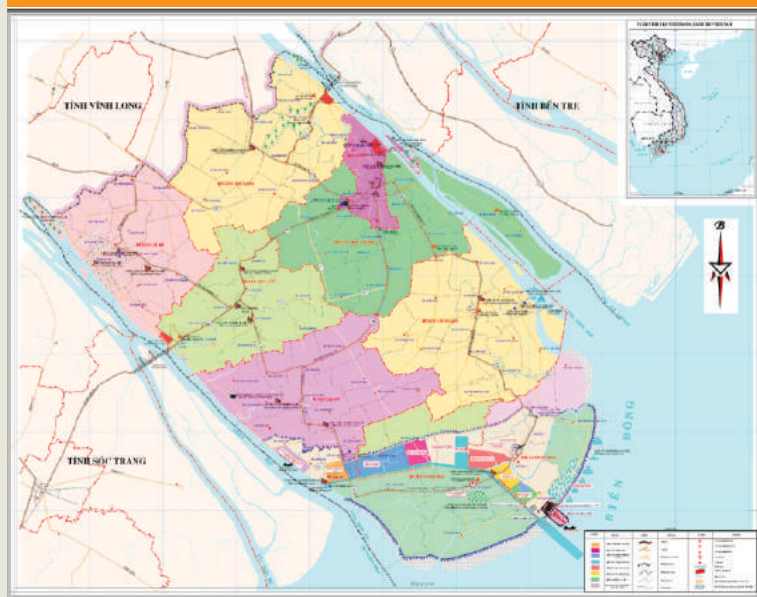
Ấn phẩm này được phát hành rộng rãi, làm tài liệu cho các buổi tiếp xúc làm việc với các nhà đầu tư, các hội nghị, diễn đàn quảng bá xúc tiến đầu tư; hy vọng ấn phẩm sẽ đồng hành giúp ích cho quý nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Trà Vinh hân hạnh đón tiếp./.

ĐỒNG VĂN LÂM

Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TRÀ VINH



**PHẦN I: TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ
ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH**



KHOẢNG CÁCH NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 3 MỞ RỘNG

CONSTRUCTION OF DUYEN HAI 3 EXTENSION THERMAL POWER PLANT (1x660 MW)

Vinh, ngày 13 tháng 12 năm 2014



 Sumitomo

01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN TỈNH TRÀ VINH

- Trà Vinh là một trong 13 tỉnh thành ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng; phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre. Diện tích đất tự nhiên 2.341 km²; dân số 1,04 triệu người; số người trong độ tuổi lao động chiếm 59% dân số; tỉnh có 7 huyện, 1 thị xã và thành phố Trà Vinh với 106 xã, phường, thị trấn.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2015 là 8,45%/năm; Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm 45,56%; công

ngiệp – xây dựng 19,20%; thương mại – dịch vụ 34,20%. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng theo hàng năm đạt 462 triệu USD vào năm 2016, thu nhập bình quân đầu người đạt 34 triệu đồng (1.600 USD), thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 2.550 tỷ đồng.

- Toàn tỉnh thu hút được 161 dự án đầu tư, gồm có 129 dự án đầu tư trong nước và 32 dự án đầu tư nước ngoài (FDI). Có 112 dự án đi vào sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết việc làm cho trên 40.000 lao động. Riêng 32 dự án FDI, có 22 dự án đang hoạt động, đóng góp 60% giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và giải quyết việc làm cho khoảng 35.000 lao động. Hệ thống doanh nghiệp có trên 1.800 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.



An aerial photograph of an industrial complex, possibly a refinery or chemical plant, situated near a large body of water. The facility includes several large buildings, a tall chimney, and various pipes and structures. In the foreground, there are green landscaped areas with trees. In the background, several large ships are docked at a pier. A large orange rectangular box with a white border is centered over the image, containing the section title.

II. TẠI SAO ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH

**01**

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Trà Vinh nằm giữa 2 sông Cổ Chiên và sông Hậu và tiếp giáp Biển Đông, với 2 cửa sông Cung Hầu và Định An là 2 cửa sông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng với Kênh đào Trà Vinh cho tàu có trọng tải 20.000 tấn lưu thông nối liền Biển Đông với sông Hậu, đây là cửa ngõ chính của vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thông thương với quốc tế, là điều kiện để tỉnh hình thành và phát triển các cảng biển trung chuyển. Đường bộ có 3 Quốc lộ là 53, 54 và 60 nối với các tỉnh, cách thành phố Hồ Chí Minh 130 km và cách thành phố Cần Thơ 80 km. Với bờ biển dài 65 Km, khí hậu ôn hòa, quanh năm hầu như không có bão, lũ cùng với nhiều danh lam thắng cảnh là điều kiện để phát

triển các ngành kinh tế biển, ven biển và phát triển du lịch.





02

TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trà Vinh có nhiều tiềm năng phát triển với cơ cấu kinh tế đa ngành nghề nhất là sản lượng lớn về nông nghiệp và thủy sản:

- Lúa 234.247 ha, sản lượng 1,12 triệu tấn/năm; cây dừa 20.000 ha, có trên 03 triệu cây với sản lượng 220.000 tấn; Cây mía 5.500 ha/năm, sản lượng trên 600.000 tấn; cây đậu phộng 4.500 ha/năm, sản lượng 22.800 tấn/năm; cây bắp 4.500 ha/năm, sản lượng 22.500 tấn/năm; cây ăn quả 17.600 ha, sản lượng 214.500 tấn/năm (xoài Châu Nghệ, bưởi năm roi, cam, quýt đường Nhị Long, nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt Tân Quy, thanh long...)

Chăn nuôi với đàn heo 410.500 con/năm, đàn bò 206.000 con/năm, đàn dê 11.500 con, đàn gia cầm 4.300.000 con.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 43.700 ha/năm (diện tích nuôi tôm sú 18.900 ha), tổng sản lượng thủy sản đạt 171.400 tấn. Trong đó: khai thác hải sản 57.100 tấn, nuôi trồng thủy sản 103.000 tấn/năm (trong đó tôm sú 13.150 tấn, tôm thẻ chân trắng

23.800 tấn), cá da trơn: 10.200 tấn/năm, cua: 7.200 tấn/năm, nghêu, sò: 2.700 tấn/năm...

- Thêm lục địa từ cửa Cung Hầu đến cửa Định An hiện có 661 loài thủy sản sinh sống, đa phần đều có giá trị kinh tế. Ngoài khơi xa có nhiều loại hải sản có giá trị thương phẩm cao như cá ngừ, cá hồng, cá chim, cá thu,.... với trữ lượng khoảng 1,2 triệu tấn, khả năng khai thác khoảng 400 – 600 tấn/năm. Trà Vinh hiện có 1.200 tàu khai thác hải sản trên biển với tổng công suất 102.400CV, trong đó có 200 tàu hoạt động các ngư trường khơi xa.

* Với nguồn nguyên liệu dồi dào và sản lượng lớn về nông nghiệp, thủy sản trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Khi đầu tư vào Trà Vinh sẽ dễ dàng thu hút các nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến. Ngoài ra, với thuận lợi về vị trí địa lý và tiềm năng về thủy, hải sản sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nuôi tôm sinh thái, tôm hữu cơ và nuôi tôm nghệ cao.

2.2. TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Đa dạng, phong phú với khoảng 8.500 ha đất rừng và các loại khoáng sản như: Cát các loại với trữ lượng khai thác khoảng 870.000 m³/năm; đất sét, gạch ngói: trữ lượng khoảng 45,6 triệu m³; mỏ nước khoáng có chứa thành phần bicacbonat natri (NaCO₃) khá cao, đạt tiêu chuẩn khoáng cấp quốc gia, với nhiệt độ 38,5°C, khả năng khai thác khoảng 2.400 m³/ngày. Với trữ lượng này phục vụ tốt cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng và du lịch nghỉ dưỡng.



2.3 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÓ 3 KHU CÔNG NGHIỆP

Trên địa bàn tỉnh có 03 Khu công nghiệp và 01 Khu kinh tế: KCN Long Đức (100 ha) có 28 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 2.636,90 tỷ đồng (tương đương 131,84 triệu USD). KCN Cổ Chiên (200 ha) và KCN Cầu Quan (130 ha) đang kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đầu tư sản xuất kinh doanh. Khu kinh tế Định An (39.020 ha) có các khu chức năng: Khu phi thuế quan, các khu công nghiệp, kho ngoại quan, khu cảng



và dịch vụ cảng, khu dịch vụ công nghiệp, khu dịch vụ giải trí, du lịch,...; Quy hoạch với các ngành nghề chủ yếu như sản xuất điện năng, luyện thép, hóa dầu, công nghiệp đóng tàu biển cùng với các ngành công nghiệp hỗ trợ khác; phát triển khu du lịch; kinh tế cảng, khu phi thuế quan gắn với cảng và khu dân cư đô thị. Hiện nay, Khu kinh tế có 22 dự án, tổng vốn đăng ký 148.422,51 tỷ đồng (tương đương 7.421,12 triệu USD) và 09 dự án có nhà đầu tư quan tâm. Tính đến nay, tổng số dự án trong KKT, KCN được cấp GCNĐT là 50 dự án, với tổng vốn đăng ký là 151.059,41 tỷ đồng (tương đương 7.552,97 triệu USD).

Chính sách đầu tư: lãnh đạo tỉnh cam kết có chính sách tốt nhất cho nhà đầu tư như: ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư về thuế, đất đai, GPMB, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo lao động, xử lý môi trường, hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án, các công trình điện, nước,... Chính sách đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”, rút ngắn 50% thời gian thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2.4 TOÀN TỈNH ĐƯỢC QUY HOẠCH 06 BẾN CẢNG (01 CẢNG SÔNG VÀ 05 CẢNG BIỂN)

trong đó 03 cảng đang hoạt động (cảng sông Long Đức với diện tích 40.000 m²; 02 cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải cho tàu tải trọng 30.000 tấn than và cho tàu tải trọng 1.000 tấn dầu, với công suất bốc dỡ 12 triệu tấn than/năm và 100.000 tấn dầu/năm) và các cảng hiện đang thi công hạ tầng (cảng Trà Cú, Bến cảng Định An), riêng bến cảng Định An là cảng tổng hợp



container 30.000 – 50.000 tấn vừa làm nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa cho cảng Cái Cui (Cần Thơ) vừa làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu trực tiếp.

2.5 NGUỒN LAO ĐỘNG DỒI DÀO

ngoài bậc phổ thông, tỉnh có 01 trường đại học, 02 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp và 20 cơ sở đào tạo, dạy nghề. Trường Đại học Trà Vinh đào tạo theo hình đa cấp, đa ngành, với số lượng sinh viên hàng năm hơn 25.000, hàng năm tốt nghiệp từ 8.000 – 10.000 sinh viên cung cấp cho thị trường lao động.





03 | CAM KẾT CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH

Với tiềm năng hiện có của tỉnh, sẽ đảm bảo đủ điều kiện để kêu gọi nhà đầu tư phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao, sinh thái; phát triển các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... Lãnh đạo tỉnh Trà Vinh chúng tôi cam kết thực hiện nhiều chính sách và điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư:



- Về ưu đãi đầu tư: Tỉnh cam kết thực hiện tốt chính sách ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam với chính sách ưu đãi và môi trường đầu tư thông thoáng nhất, nhằm tạo cho các nhà đầu tư hoạt động có hiệu quả.

- Về cải cách thủ tục hành chính: Trà Vinh đã và đang thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giải quyết các thủ tục đầu tư theo cơ chế công khai, minh bạch, “Một cửa liên thông”, đảm bảo



nhanh chóng, đáp ứng tốt nhu cầu của các nhà đầu tư, dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp nhận và trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp nhận và trả kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế.



- Đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng để đáp ứng nhu cầu triển khai dự án của nhà đầu tư.



- Về hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, cấp thoát nước...) đồng bộ, hoàn chỉnh, thuận tiện cho việc sản xuất kinh doanh, vận chuyển, giao dịch hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh như: Hệ thống thông tin liên lạc, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khách sạn, nhà hàng, văn phòng cho thuê, các dịch vụ vui chơi, giải trí khác...

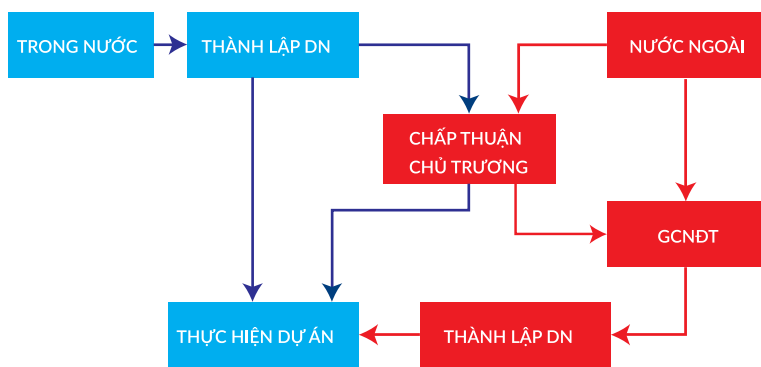


PHẦN II: QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

I

QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ CHUNG

QUI TRÌNH CHUNG VỀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ KINH DOANH



BƯỚC 1: CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ	TRƯỜNG HỢP (LOẠI DỰ ÁN)	THỦ TỤC VÀ YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ	THỜI HẠN (TỐI ĐA)
<p>UBND các tỉnh (Điều 32- Luật Đầu tư 2014)</p>	<p>a. Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng);</p> <p>b. Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).</p> <p>c. Các dự án thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (BQL quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy CNĐKĐT).</p> <p>d. Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Khoản 9 Điều 31 - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP)</p>	<p>a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư</p> <p>b) Giấy tờ tùy thân hợp pháp (với nhà đầu tư là cá nhân) hoặc giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lí với NĐT là tổ chức</p> <p>c) Đề xuất dự án đầu tư</p> <p>d) Bản sao một trong các tài liệu sau : báo cáo tài chính, cam kết hỗ trợ vốn...</p> <p>đ) Tài liệu xác nhận quyền sử dụng địa điểm (đề xuất nhu cầu sử dụng đất, thỏa thuận địa điểm)</p> <p>e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này (với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao)</p> <p>g) Hợp đồng BCC (với dự án đầu tư theo hình thức BCC) (Điều 33- Luật Đầu tư 2014)</p>	<p>35 ngày (Đối với nhà đầu tư trong nước)</p> <p>40 ngày (Đối với nhà đầu tư nước ngoài)</p>

<p>Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau: a) Di dân từ 10.000 người ở miền núi, 20.000 người ở khu vực khác; b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không; c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia; d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; đ) Hoạt động kinh doanh các cược, đặt cược, casino; e) Sản xuất thuốc lá điếu; g) Phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KCX, KKT; h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn; 2. Dự án không thuộc trường hợp tại mục 1 như trên có quy mô từ 5000 tỷ đồng trở lên, ngoại trừ những dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Khoản 9 Điều 31 - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP); 3. Dự án nước ngoài: vận tải biển, dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học, công nghệ, doanh nghiệp KHCN 100% vốn NN.</p>	<p>Bao gồm hồ sơ (xin chấp thuận chủ trương đầu tư) của UBND cấp tỉnh và bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) • Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường • Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư 	<p>65 ngày</p>
--------------------------------	--	--	----------------

<p>Quốc hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà máy điện hạt nhân • Có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng nghiên cứu - thực nghiệm từ 50ha, rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50ha, rừng chắn gió, chắn cát, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500ha, rừng sản xuất từ 1000ha • Sử dụng đất lúa từ 500 ha trở lên • Di dân từ 20.000 người trở lên ở miền núi, 50.000 người trở lên ở các vùng khác; • Dự án đề nghị cơ chế, chính sách đặc biệt. 	<p>Bao gồm hồ sơ (xin chấp thuận chủ trương đầu tư) của Thủ tướng Chính phủ và bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có) 	<p>Theo kỳ họp Quốc hội</p>
-----------------	---	--	-----------------------------

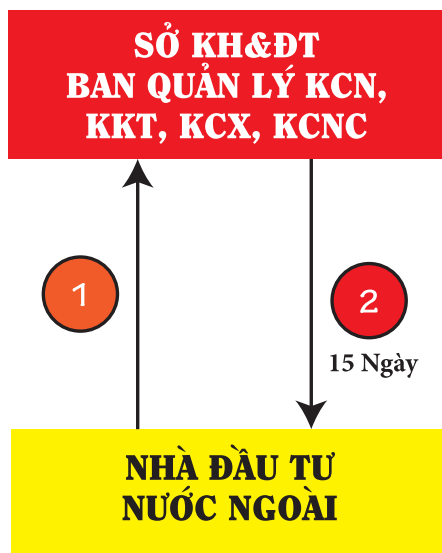


BƯỚC 2: XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

TRƯỜNG HỢP THỰC HIỆN THỦ TỤC XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ	HỒ SƠ THỦ TỤC CẦN THIẾT VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
<p>Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
<p>Dự án của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 - Điều 23 - Luật Đầu tư (2014) thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; • Có tổ chức kinh tế (là DN nước ngoài) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; • Có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế là DN nước ngoài nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy tờ tùy thân hoặc văn bản thành lập • Đề xuất dự án đầu tư • Hồ sơ tài chính (báo cáo tài chính, cam kết hỗ trợ vốn) • Tài liệu xác nhận quyền sử dụng địa điểm (đề xuất nhu cầu sử dụng đất, thỏa thuận địa điểm) • Giải trình về sử dụng công nghệ (với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao) • Hợp đồng BCC (với dự án đầu tư theo hình thức BCC)
<p>Trường hợp không cần xin cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư Tất cả các nhà đầu tư, ngoại trừ các nhà đầu tư nước ngoài, loại dự án thuộc các trường hợp như đã nêu trên.</p>	



QUI TRÌNH THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



BƯỚC 3: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Các nhà đầu tư truy cập vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>) để xem hướng dẫn cụ thể để triển khai các hồ sơ, thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp.





II. QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ CỦA TỈNH TRÀ VINH



1. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư như sau:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ dự án đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo mẫu I.1 tại Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với Nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với Nhà đầu tư là tổ chức.

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, đề xuất nhu cầu sử dụng đất, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá tác động môi trường, giải trình về sử dụng công nghệ theo mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của Nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

đ) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (nếu có).

3. Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ.

4. Quy trình và thời gian giải quyết: Trong thời gian 17 ngày làm việc (thời hạn xử lý của từng bước đã bao gồm thời gian luân chuyển hồ sơ).

a) Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

- Nhà đầu tư đến Bộ phận một cửa liên thông tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để nhận mẫu hồ sơ và được hướng dẫn cách kê khai thủ tục đầu tư hoặc truy cập website: www.travinh.gov.vn; www.travinh.gov.vn/wps/portal/skhdt để lấy mẫu kê khai thủ tục đầu tư.

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa liên thông hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Công chức Bộ phận một cửa liên thông tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án do Nhà đầu tư nộp: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để Nhà đầu tư bổ sung đầy đủ; Trường hợp hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo quy định.

- Khi nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có công văn gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.

b) Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có liên quan

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương và gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; các nội dung thẩm định cụ thể như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thẩm định các nội dung đề xuất của Nhà đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư.

- Sở Xây dựng: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch xây dựng, sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng, các yêu cầu đối với chủ đầu tư trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, các yêu cầu về kết nối hạ tầng theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của Nhà đầu tư.

- Sở Tài chính: Có ý kiến về việc xác định đơn giá thuê mặt nước, mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho dự án theo quy định và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đối với dự án quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;

- Cục Thuế tỉnh: Có ý kiến về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc điều kiện ưu đãi đầu tư);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có dự án dự kiến đầu tư: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất.

- Các Sở, ngành thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Bước 3: Lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tất cả ý kiến thẩm định của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

d) Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Bước 5: Trả kết quả cho Nhà đầu tư

Khi có kết quả về chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kết quả cho Nhà đầu tư: Quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản từ chối đầu tư.

2. THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Nhà đầu tư (theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13).



III ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

1. HÌNH THỨC ÁP DỤNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Hình thức áp dụng ưu đãi đầu tư:

- (i) Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - (ii) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư.
 - (iii) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.
- Mọi chi tiết cụ thể căn cứ theo luật quy định

2. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

2.1. Các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư nếu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư sau

1. Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hoạt động nghiên cứu và phát triển;
2. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
3. Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô; đóng tàu;
4. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày và các sản phẩm quy định tại điểm c khoản này;
5. Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số;
6. Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ

rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học;

7. Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải;
8. Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị;
9. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp;
10. Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc chủ yếu, thuốc thiết yếu, thuốc phòng, chống bệnh xã hội, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới;
11. Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
12. Đầu tư trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa;
13. Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

2.2. Các dự án đầu tư được áp dụng ưu đãi đầu tư nếu dự án đầu tư tại các địa bàn sau:

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
2. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

2.3. Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

2.4. Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên;

2.5. Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ.

An aerial photograph of a city park. In the foreground, there is a large, green, abstract sculpture made of plants, shaped like the letters 'TRAVINH'. A paved road with many motorcycles is visible in the middle ground. In the background, there are buildings and more greenery.

PHẦN III: CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH

I

LĨNH VỰC VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

1. LĨNH VỰC ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GỒM 4 LĨNH VỰC CHÍNH

- Nông nghiệp (nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái)

- Công nghiệp (Công nghiệp cơ khí, logistic, năng lượng, đóng tàu biển).

- Hạ tầng kỹ thuật (Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng giao thông).

- Dịch vụ (Khu du lịch, nhà hàng, khách sạn, Trung tâm thương mại).



2. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

STT	TÊN DỰ ÁN
I	NÔNG NGHIỆP
1	Dự án đầu tư nuôi tôm nước lợ công nghệ cao
2	Dự án hợp tác liên kết nuôi tôm sinh thái (tôm - rừng, tôm - lúa) xuất khẩu
3	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm từ dừa
4	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ bò ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung
II	CÔNG NGHIỆP
1	Dự án xây dựng nhà máy đóng, sửa chữa tàu thuyền và sản xuất gia công cơ khí

2	Dự án xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến trái cây các loại (thanh long, cam, xoài, nhãn, chuối, bưởi...)
3	Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ đậu phộng
III	ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
Hạ tầng giao thông	
1	Dự án xây dựng tuyến số 2 và số 3 đường nội ô thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
2	Dự án hạ tầng giao thông trong KKT Định An
Hạ tầng khu, cụm công nghiệp	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cổ Chiên
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp
4	Dự án hạ tầng kỹ thuật trong KKT Định An (khu kho ngoại quan (logistic) và khu phi thuế quan)
5	Xây dựng cảng và dịch vụ cảng Long Toàn
6	Dự án xây dựng cụm công nghiệp thành phố Trà Vinh
IV	DU LỊCH
1	Dự án xây dựng Khu văn hóa - du lịch Ao Bà Om
2	Dự án đầu tư Khu du lịch khoáng nóng Duyên Hải

** Ngoài các dự án nêu trên, tỉnh Trà Vinh sẵn sàng tiếp nhận và xem xét các dự án khác mà nhà đầu tư đề xuất.*

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

1.2. Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư (Đính kèm Phụ lục I Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015)

1.3. Ngành, nghề lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:



- Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.

- Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

- Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại vùng nông thôn.

2. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

2.1. Ưu đãi về thuế: Theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 (áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới)

a. Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp:

THỜI HẠN ƯU ĐÃI (NĂM)	MỨC THUẾ SUẤT	PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
Suốt thời gian hoạt động (không quá 50 năm)	10%	- Dự án đầu tư lĩnh vực xã hội hóa. - Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch,...
15	10%	- Dự án đầu tư tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, ... Sản xuất sản phẩm phần mềm,...
10	17%	- Thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, Thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên. - Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống,...
Hết thời hạn ưu đãi	20%	

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

MIỄN THUẾ (NĂM)	GIẢM		PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
	MỨC GIẢM	THỜI HẠN	
04	50%	09	- Dự án đầu tư tại địa bàn các huyện: Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Dự án lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.
04	50%	05	Dự án lĩnh vực xã hội hoá đầu tư tại huyện, thị xã Duyên Hải (ngoài Khu kinh tế Định An), Càng Long (ngoài KCN Cổ Chiên).
02	50%	04	- Dự án đầu tư tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên. - Dự án đầu tư lĩnh vực sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống....

c. Ưu đãi thuế xuất nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án; nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất (theo quy định tại khoản 6, khoản 14 Điều 12 Nghị định 87/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu).

d. Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân:

Giảm 50 % thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế (Khoản 5, Điều 16 Nghị định 29/2008/NĐ-CP).

2.2. ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT (Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)

a. Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

b. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian xây dựng cơ bản

TIỀN THUÊ ĐẤT	PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
Miễn (suốt thời gian hoạt động)	<ul style="list-style-type: none">- Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn.- Dự án lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư.- Dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.- Dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp.- Đất thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ, trồng rừng lấn biển.
Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 50 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.
Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 40 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 30 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Càng Long (ngoài KCN Cổ Chiên), huyện, thị xã Duyên Hải (ngoài Khu kinh tế Định An).
Miễn 15 năm	- Dự án lĩnh vực nông nghiệp ưu đãi đầu tư. - Dự án lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 11 năm	- Dự án lĩnh vực nông nghiệp khuyến khích đầu tư. - Dự án đầu tư tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An; dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 07 năm	Dự án đầu tư tại Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 03 năm	- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. - Cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường



3.1 Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và hỗ trợ 20% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong cụm công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa không vượt so với mức hỗ trợ của Trung ương.

3.2 Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật (Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Đối với nhà đầu tư, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hỗ trợ 100% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án và hỗ trợ sau khi hoàn thành đi vào hoạt động.

Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn theo quy hoạch, sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng được hỗ trợ như sau:

- Vốn đầu tư trên 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng được hỗ trợ 200 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trên 4 tỷ đồng đến 7 tỷ đồng được hỗ trợ 300 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng được hỗ trợ 400 triệu đồng.

Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí để tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông nêu tại Khoản 1 và xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước, Điều này được ngân sách tỉnh hoàn trả trong 03 năm (ba năm) sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại trong nước. Trường hợp ứng trước kinh phí bằng vốn của doanh nghiệp hoặc vay vốn của ngân hàng nước ngoài thì lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Trà Vinh trong thời hạn nêu trên.

3.3 Hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp có trong quy hoạch được duyệt nhưng chưa được đầu tư hạ tầng (Điều 10 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án. Các công trình cấp điện, cấp nước,... các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Đối với trường hợp nhà đầu tư tự san lấp mặt bằng sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

- Dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: Hỗ trợ 100 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng: Hỗ trợ 300 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: Hỗ trợ 500 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: Hỗ trợ 01 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng: Hỗ trợ 02 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng: Hỗ trợ 03 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên: Hỗ trợ 04 tỷ đồng.

3.4 Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý môi trường (Điều 11 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa hệ thống xử lý môi trường đối với những dự án chế biến nông sản, thủy hải sản, thức ăn chăn nuôi và chợ thì được hỗ trợ 01 lần:

1. Đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp: Hỗ trợ 30% chi phí nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.
2. Đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và công trình xử lý môi trường tại chợ: Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng.

3.5 Hỗ trợ đầu tư chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản (Điều 13 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

1. Hỗ trợ máy móc, thiết bị công nghệ:

Nhà đầu tư được hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng cho các khoản đầu tư:

a) Đầu tư mới máy móc thiết bị công nghệ, kho lạnh cố định, kho lạnh di động để chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả.

b) Đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới để chế biến thủy hải sản.

2. Hỗ trợ lãi suất vốn vay:

a) Hỗ trợ 40% lãi suất cho các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng cho nhà đầu tư nêu tại điểm a khoản 1 điều này.

b) Hỗ trợ 20% lãi suất cho các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng cho nhà đầu tư mua sắm phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản.

Mức hỗ trợ lãi suất được áp dụng bằng mức thấp nhất cho các khoản vay đầu tư cùng thời hạn và cùng thời kỳ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam.


3.6. Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động

TT	HÌNH THỨC HỖ TRỢ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	MỨC HỖ TRỢ (ĐỒNG/NGƯỜI)
I	Đối với dự án sử dụng thường xuyên từ 500 đến dưới 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 150 - 300 triệu đồng/dự án		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	1.000.000
		Dưới 03 tháng	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	500.000
		Dưới 03 tháng	250.000

II	Đối với dự án sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 250 - 500 triệu đồng/dự án		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	1.000.000
		Dưới 03 tháng	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 250.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	500.000

3.7. Các hỗ trợ khác: Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp; hỗ trợ áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng; Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp (theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).





**PHỤ LỤC:
CÁC CƠ QUAN ĐẦU MỐI
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ 6B Hoàng Diệu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (84) - 4 - 38455298 Fax: (84) - 4 - 38234453 Website: www.mpi.gov.vn		CỤC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 6B Hoàng Diệu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (080) – 48461/ (84) - 4 - 37343758 Fax: (84) - 4 - 37343769 Website: http://fia.mpi.gov.vn	
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA BẮC 65 Văn Miếu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (84) - 4 - 38454970 / 37473143 Fax: (84) - 4 - 38437927 Website: http://ipcn.mpi.gov.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ MIỀN TRUNG 103 Lê Sát, Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam Phone: (84) - 236 - 3797669/-/699 Fax: (84) - 511 – 3797679 Website: http://centralinvest.gov.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA NAM 289 Điện Biên Phủ, Q.3, TP HCM, Việt Nam Phone: (84) – 8 – 39306671 Fax: (84) - 8 - 39305413 Website: http://www.ipcs.vn	

ĐẠI DIỆN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

CHLB ĐỨC Ông Đặng Quốc Tuấn Tham tán, phụ trách xúc tiến đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại CHLB Đức	The Embassy of Vietnam, Elsenstrasse 3 - 12435 Berlin Tel:+49 30 9751076; Fax: +49 30 21238489 Email: qtuan629@gmail.com
CỘNG HÒA PHÁP Ông Lê Công Thanh Tham tán, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Pháp	The Embassy of Vietnam , 61 rue Miromesnil, Paris 75007 Tel: +33-954874337 Email: thanhmpi1971@gmail.com, lecong.thanhmpi@gmail.com
HÀN QUỐC Bà Đinh Thị Tâm Hiền Tham tán, phụ trách xúc tiến đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Hàn Quốc	The Embassy of Vietnam in Korea,128 Cukchon-ro, Jongno-gu,110-230, SEOUL, KOREA Email: hiendt@mpi.gov.vn ; tamhien- mpi@gmail.com Tel/Fax:+82.2.737.2317Mo- bile:+82-1095780924

<p>CHDCND LÀO Ông Nguyễn Đình Bá Tham tán Công sứ, ĐSQ Việt Nam tại CH-DCND Lào</p>	<p>The Embassy of Vietnam , No 85 23 Singha Road, Ban Phonxay, Saysettha District Vientiane, Laos Tel: +856 - 2099693939; Fax: +856 21 413379 Email: nguyendinhba39@gmail.com</p>
<p>NHẬT BẢN Ông Nguyễn Xuân Tiến Tham tán, Trưởng Bộ phận XTĐT tại Nhật Bản, ĐSQ Việt Nam tại Nhật Bản</p> <p>Phụ trách xúc tiến đầu tư, TLSQ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam, 25-7-S205, Hatsudai 2-Chome, Shibuya-ku ,Tokyo, 151-0061 Tel: (813) - 6300-9788; Fax: (813) - 6300- 9358 Email: xtienmpi@yahoo.com</p> <p>Consulate General of the S.R of Vietnam, 4-2-15 Inchinocho Higashi, Sakai-ku, Sakai shi, Osaka, Japan Tel: +81-72 221 6666 Fax: +81-72 221 6667</p>

<p>HOA KỲ Ông Trần Hồng Kỳ Tham tán kinh tế, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Hoa Kỳ</p> <p>Ông Hoàng Việt Khang Lãnh sự, phụ trách xúc tiến đầu tư, TLSQ Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in the USA 1233 20th Street NW, Suite # 400 Washington DC, 20036, USA. Tel: +1 202-861-0737 ext. 231 ; Fax: 202-861-0917 Mobile: +1 202-403-7139 Email: tranhongky@vietel.vn; kytran@vietnamembassy.us</p> <p>Consulate General of Vietnam in San Francisco, 1700 California Str, Suite 580, San Francisco, CA 94109, USA Phone:+1-415-960-7548 Fax :+1-(415)-922-1848 Email: khangvgms@gmail.com; khanghv@mpi.gov.vn</p>
<p>SINGAPORE Bà Nguyễn Thị Thu Minh Tham tán, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Singapore</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in Singapore 10 Leedon Park, Singapore 267887 Tel/Fax: +65 66967709 ; Mobile: +65 86134686 Email: mpi_minh@yahoo.com.vn; nt-thuminh@mpi.gov.vn</p>

CƠ QUAN ĐẦU MÓI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

<p>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH</p>
<p>19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Điện thoại: +84 74 3753849; Fax: +84 74 3753848; Email: xuctientravinh@gmail.com.</p>
<p>BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH</p>
<p>278 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh Điện thoại: +84 74 3746681; Fax: +84 74 3746686; Email: bqlktttravinh@gmail.com</p>



TRAVINH PEOPLE'S COMMITTEE



A GUIDE TO INVESTING IN

TRAVINH PROVINCE

CONTENTS



FOREWORD



PART I: POTENTIALS AND ADVANTAGES FOR INVESTMENT IN TRA VINH PROVINCE

I	Overview of Tra Vinh Province	Page - 54
II	Why Invest In Tra Vinh Province	Page - 55



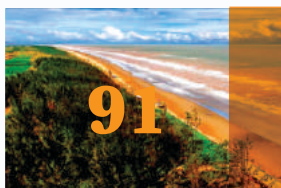
PART II: PROCEDURE AND REGULATIONS ON INVESTMENT

I	General process of implementing investment procedure	Page - 64
II	Tra Vinh province 's process of implementing investment procedure	Page - 72



PART III: INVESTMENT OPPORTUNITIES FOR TRA VINH PROVINCE

I	Prioritized Sectors And Projects Calling For Investment	Page - 80
II	Tra Vinh Province's Investment Incentive Policies	Page - 82



APPENDIX: USEFUL CONTACT ADDRESSES



FOREWORD

Welcome to TRA VINH province - Tra Vinh is a coastal province located between Tien and Hau rivers and in the South-East of Mekong River Delta region, bordering the East Sea to the East, Vinh Long province to the West, Soc Trang province to the South, and Ben Tre province to the North, with 65 km of coastal line. Its total area is 2,341 km² and it has population of 1.04 million people with 03 main ethnic groups: Kinh, Khmer and Hoa (Chinese-Vietnamese). Tra Vinh is surrounded by two tributaries: Tien river and Hau rivers, with two river mouths: Cung Hau and Dinh An connecting to the East Sea, which is a good condition for developing transshipment ports. With its natural characteristics of a coastal delta, Tra Vinh province has great potential for agricultural and fishery development serving for processing industry and marine and coastal economy. Tropical weather zone with cool climate, with multiple histories cultural of 03 main ethnic groups of Kinh, Khmer, Hoa, many tourist destinations, the province has good conditions for development of tourism.

Two works, including large vessels to Hau River through the province and Duyen Hai Power Center with a capacity of 4,400 Mw, are important technical infrastructures for Tra Vinh to develop the economy. In addition, Dinh An Economic Zone (the key coastal economic zone of the country), the planned area of 39,020 ha (phase 1 to 2020 with an area of 15,403.7 ha), currently has 22 registered investment projects. Long Duc Industrial Park (100 ha), Cau Quan Industrial Park (120ha), Co Chien Industrial Park (200 ha) are good places for investors to implement the projects.

Tra Vinh always strictly implements investment incentive policies promulgated by the Government and pays attention to building and supplementing specific investment preferential policies according to the provincial conditions, creating favorable conditions for enterprises to invest in. At the same time, continuing efforts have been put in reforming administrative procedures under the “one-stop shop”, building a team of civil servants that are dynamic and incorruptible, creating an open and transparent investment and business environment. Tra Vinh will be a truly effective investment destination for domestic and foreign investors.

“A guide to investing in Tra Vinh province of Vietnam” is an essential and necessary handbook for investors and businesses who have been intending to survey and explore investment opportunities in the province.

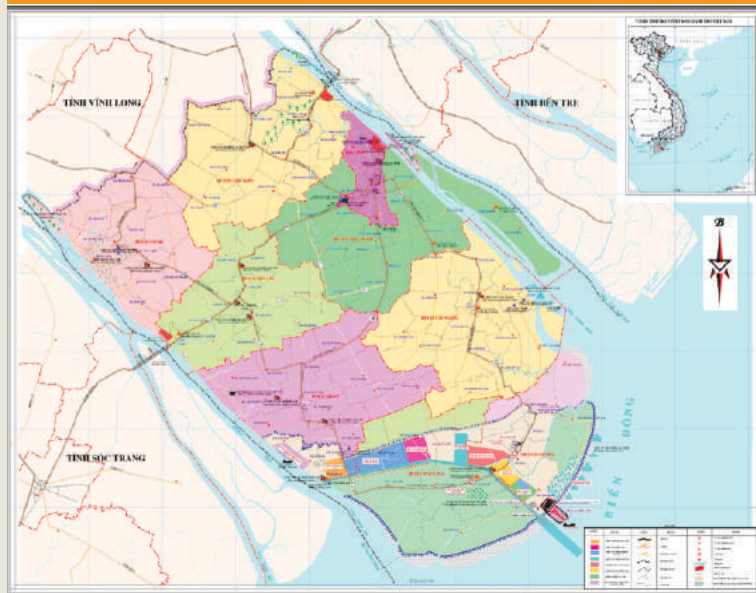
The publication has been widely shared and officially used for investment promotion activities, conferences. We hope that this publication will be useful for investors and enterprises.

We are pleased to welcome you all.

DONG VAN LAM

Chairman of Tra Vinh Province People's Committee

MAP OF ECONOMIC DEVELOPMENT PLANNING TRA VINH PROVINCE



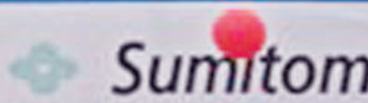
**PART I: POTENTIALS AND
ADVANTAGES FOR INVESTMENT
IN TRA VINH PROVINCE**



KHOẢNG CÁCH NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 3 MỞ RỘNG

CONSTRUCTION OF DUYEN HAI 3 EXTENSION THERMAL POWER PLANT (1x600MW)

Vinh, ngày 13 tháng 12 năm 2014



01

OVERVIEW OF TRA VINH PROVINCE

- Tra Vinh is one of 13 provinces in the Mekong Delta region, locating in between Tien and Hau rivers, bordering the East Sea to the East, Vinh Long province to the West, Soc Trang province to the South, and Ben Tre province to the North. The total area of the province is 2,341 km² with the population of 1.04 million people, of which 59% are at working age. There are 106 communes, wards, and townships in its 7 districts, a town and Tra Vinh city.

- The GRDP growth rate in 2011-2015 period is at 8.45% per year. The province's economy comprises

of agriculture (45.56%), industry – construction (19.20%), and trading – services (34.20%). The exporting value increases annually reaching USD 462 million in 2016. The per capita income of the province is VND 34 million (USD1,600). The province's domestic income values VND 1,850 billions.

- As of end of the first quarter of 2017, the province has successfully called for 174 investment projects, including 140 domestic projects and 34 FDI ones. Of these, 112 projects have been in stable operation and generated more than 40,000 jobs. Out of 32 FDI projects, 22 have operated, contributing about 60% of export value to the province and generating about 35,000 jobs. There are also 1,800 operating enterprises in the province.



An aerial photograph of an industrial complex, possibly a refinery or chemical plant, situated along a body of water. The facility features several large buildings, a tall chimney, and various pipes and structures. In the foreground, there are green landscaped areas with trees and a winding path. The water in the background has several barges or boats docked at a pier. A large, semi-transparent orange rectangle with a white border is centered over the image, containing the section header.

II. WHY INVEST IN TRA VINH PROVINCE?



01 | GEOGRAPHIC LOCATION

Tra Vinh province is located in between Tien and Hau rivers, bordering the East Sea with two river mouths: Cung Hau and Dinh An which are the most important entrances of the Mekong Delta. Additionally, Tra Vinh canal connecting Hau River to the East Sea, which allows vessels with a tonnage of 20,000 tons to travel along, is the main gate of the Mekong Delta to promote international trading, and also the main condition for establishment and development of transshipment ports. The province is linked with other provinces and cities through the road system of 53, 54, and 60 national roads; it is about 130 km away from Ho Chi Minh city and 70 km away from Can Tho city.

With the coast line of 65 km, genial climate, almost free from storms and floods the whole year round, many tourist destinations, the province has good conditions for development of coastal and marine industry, and tourism.





02

POTENTIAL AND ADVANTAGES FOR DEVELOPMENT INVESTMENT

2.1 Tra Vinh has great potential for development with its multi-sectoral economy, particularly the large amount of agricultural and aquacultural productivity:

- Rice with total cultivation area of 234,247 ha and yearly productivity of 1.12 million tons. Coconut with total cultivation area of 20,000 ha, more than 3 million trees with yearly productivity of 220,000 tons. Sugar cane with annual average cultivation area of about 5,500 ha and yearly productivity of 600,000 tons. Peanut with annual average cultivation area of 4,500 ha and productivity of 22,800 tons/year. Maize with annual average cultivation area of 4,500 ha and productivity of 22,500 tons/year. Fruits with annual average cultivation area of 17,600 ha and productivity of 214,600 tons/year (including Chau Nghe Mango, Nam Roi grapefruit, orange, Nhi Long sweet tangerine, longan, rambutan, durian, Tan Quy mangosteen, dragon fruit, etc.)
- Husbandry and livestock herbs: 410,500 pigs/year, 206,000 cows/year, 11,500 goats/year, and poultry of 4,300,000 heads.
- Total area for aquaculture: 43,700 ha/year (with 18,900 ha for shrimp)

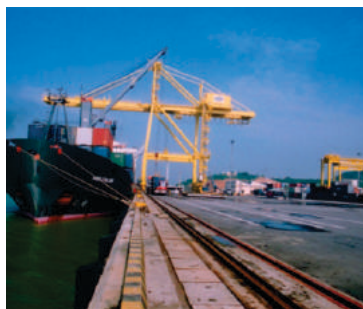
The total productivity is 171,400 tons, of which fishing: 57,100 tons; aquacultural farming: 103,000 tons/year (of which, prawn: 13,150 tons, white leg shrimp: 23,800 tons); catfish: 10,200 tons / year, crab: 7,200 tons / year, clams, scallops: 2,700 tons / year...

- Continental shelf from Cung Hau to Dinh An gate is home to about 661 marine species with high economic value. Offshore belt is home to high commercial valued marine species such as tuna, snapper, butterfish, mackerel, ... with reserves of about 1.2 million tons, the potential for exploitation of approximately 400-600 tons /year. Currently, there are 1,200 marine fishing boats with total capacity of 102,400 CV, of which 200 boats operate in far-away fishing grounds.

* With abundant raw materials and large productivity in agriculture and fishery in the Mekong Delta, it is easy for investors in the province to attract raw materials for processing industry. In addition, favorable geographic location and potential for aquaculture will facilitate ecological shrimp farming, organic shrimp and high-tech shrimp farming.

2.2. NATURAL RESOURCES, MINERALS

Being diverse and rich with about 8,500 ha of existing forest and a variety of minerals such as river sand: the exploitation capacity of about 60,000 m³/ year; Clay, bricks and tiles: about 45.6 million m³; Mineral water containing high level of bicarbonate natrium (NaCO₃): the exploitation capacity of approximately 2,400 m³ / day. These serve well for construction materials manufacturing and resorts development.



2.3 THE PROVINCE HAS THREE INDUSTRIAL PARKS AND ONE ECONOMIC ZONE

Long Duc industrial park (100 ha) has 28 active projects with an investment of VND 2,636.9 billions (equivalent to USD 131.84 million), Co Chien industrial park (200 ha) and Cau Quan industrial park (130 ha) are the process of calling for investment in technical infrastructure development. Dinh An economic zone (39 020 ha) with the functional areas: non-



tariff area, industrial zones, bonded warehouses, ports and port services, industrial service area, service area for recreation and tourism ... is planned for key industries such as power generation, steel, petrochemical, shipbuilding industry along with other supporting industries; development



of tourist destinations; port economy, non-tariff zones associated with ports and urban residential areas. Currently, the economic zone has 22 registered investment projects with total registered capital of VND 148,422.51 billions (equivalent to USD 7,421.12 million) and 09 projects with interested investors. Up to now, Investment Certificates have been granted to 50 projects in the economic zone and industrial parks, with a total registered capital of VND 151, 059.41 billion (USD 7,552.97 million). Investment Policy: The provincial leaders pledge to have the best policies for investors such as: incentives, tax and land support, land clearance, technical infrastructure investment, labor training, supporting the investment in roads leading to the fence of the projects, electricity and water projects, etc. The investment policy is open and transparent; the one-stop-shop mechanism helps shorten time of procedure for issuing investment certificate by 50%.

2.4 AS PLANNED, THE WHOLE PROVINCE HAS 06 PORTS (01 RIVER PORT AND 05 SEA PORTS)

of which 03 are operational (Long Duc River Port with an area of 40,000 m², 02 seaports at Duyen Hai Power Center to load 30,000 tons of coal ships and 1,000 tons of oil ones, with the loading capacity of 12 million tons of coal/ year and 100,000 tons of oil / year) and ports being in the process of infrastructure construction (Tra Cu port and Dinh An harbors). Dinh An harbor is designed for aggregated



container shipment of 30,000-50,000 tons, acting both as cargo transshipment for Cai Cui Port (Can Tho city) and direct export.

2.5 THE PROVINCE HAS ABUNDANT LABOR RESOURCES

In addition to general education, there are 01 university, 02 colleges, 01 vocational school and 20 training facilities. Tra Vinh University has capacity to provide training for about 25,000 students / year, with multi-level and multi-disciplinary training, in multi-sectors. Annual graduates of 8,000 to 10,000 join and enrich the labor markets.





03 PLEDGES OF PROVINCIAL LEADERS

The existing potential of the province will ensure to meet all requirements for calling for investors to develop hi-tech shrimp farming and ecological (organic) shrimp farming; to develop industries in the fields of industry, services, tourism ... Tra Vinh province leaders are committed to implementing many policies and favorable conditions for



investors, including:

- Investment incentives: The province is committed to implementing the preferential investment policy in accordance with the laws of Vietnam with the most preferential policies and open investment environment in order to enable investors to perform effectively.
- Regarding the reform of administrative procedures: Tra Vinh has been implementing administrative reforms in various fields, including areas for settlement of investment procedures



under a transparent mechanism, “One-stop-shop”, which meets the needs of investors. In particular, for projects outside the economic zone and industrial parks, one-stop-shop service to receive and return results is at the Department of Planning and



Investment; for investment projects in the economic zone, industrial parks one-stop-shop service to receive and return results is at the Management Board of the Economic Zone.

- Ensure site clearance to meet the needs of investors

- Regarding technical infrastructure: To continue investing in upgrading the infrastructure system (traffic, electricity, water supply and drainage ...) in a synchronized, complete and convenient manner for the production, business and transportation of goods domestically and for exporting. Promote the development and improvement of the quality of business support services such as communication systems, finance, banking, insurance, hotels, restaurants, offices for lease, and other entertainment services ...



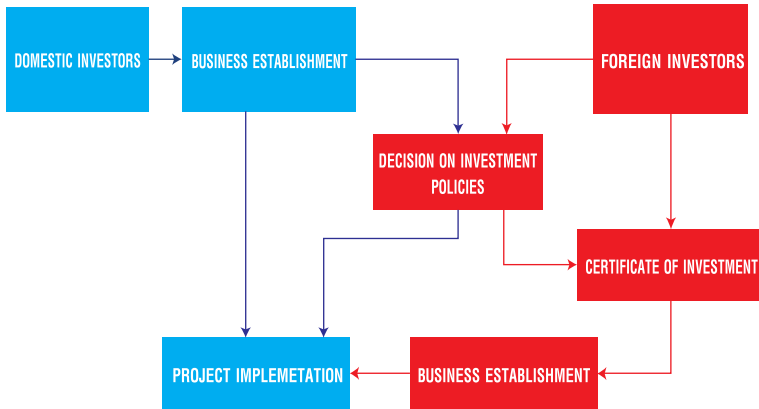


**PART II: PROCEDURE
AND REGULATIONS ON
INVESTMENT**

I

PROCESS OF IMPLEMENTING INVESTMENT PROCEDURE

GENERAL PROCESS OF PROCEDURES FOR INVESTMENT AND BUSINESS



STEP 1: DECISION ON INVESTMENT POLICIES

AUTHORITIES ISSUING DECISION ON INVESTMENT POLICIES	CASES (TYPE OF PROJECT)	DOCUMENTS AND PROCEDURES FOR INVESTOR	DURATION (MAXI- MUM)
<p>The People's Committees of provinces (Article 32, LOI 2014)</p>	<p>a. Projects that use land allocated or leased out by the State without auction or bidding or transfer; projects that require changes of land purposes;</p> <p>b. Projects that use technologies on the List of technologies restricted from transfer prescribed by regulations of law on technology transfers.</p> <p>c. Projects at industrial parks, export-processing zones, hi-tech zones, and economic zones in conformity with planning approved by competent authorities are not subject to approval of the People's Committees of provinces.</p>	<p>a) A written request for permission for execution of the investment project;</p> <p>b) A copy of the ID card or passport (if the investor is an individual); a copy of the Certificate of establishment or an equivalent paper that certifies the legal status of the investor (if the investor is an organization).</p> <p>c) An investment proposal that specifies:</p> <p>investor(s) in the project, investment objectives, investment scale, investment capital, method of capital rising, location and duration of investment, labor demand, requests for investment incentives, assessment of socio-economic effects of the project;</p> <p>d) Copies of any of the following documents:</p> <p>financial statements; commitment of a financial institution to provide financial support; ...</p> <p>dd) Demand for land use; if the project does not use land allocated, leased out by the State, or is not permitted by the State to change land purposes, then a copy of the lease agreement or other documents certifying that the investor has the right to use the premises to execute the project shall be submitted;</p> <p>e) Explanation for application of technologies to the project mentioned in Point b Clause 1 Article 32 of this Law, (with projects use technologies restricted from transfer prescribed by regulations of law on technology transfers.</p> <p>g) The business cooperation contract (if the project is executed under a business cooperation contract). (Article 33 of LOI 2014)</p>	<p>* 35 days (for domestic investor)</p> <p>* 40 days (for foreign investor)</p>

<p>The Prime Minister</p>	<p>1. The following projects regardless of capital sources:</p> <p>a) Projects that require relocation of 10,000 people or more in highlands; 20,000 people or more in other areas;</p> <p>b) Construction and operation of airports; air transport;</p> <p>c) Construction and operation of national seaports;</p> <p>d) Petroleum exploration, extraction, and refinery;</p> <p>d) Betting and casino services;</p> <p>e) Cigarette production;</p> <p>g) Development of infrastructure of industrial parks, export-processing zones, and specialized sectors in economic zone;</p> <p>h) Construction and operation of golf courses;</p> <p>2. Projects not mentioned in Clause 1 of this Article in which investment is VND 5 billion or above;</p> <p>3. Projects of investment of foreign investors in sea transport, provision of telecommunications services with network infrastructure; afforestation, publishing, journalism, establishment of wholly foreign-invested science and technology organizations or science and technology companies;</p>	<p>a) Documents for decision of investment policies by <i>the Provincial People's Committee</i>;</p> <p>b) Land clearance and relocation plan (if any);</p> <p>c) Preliminary assessment of environmental impacts and environmental protection measures;</p> <p>d) Assessment of socio-economic effects of the project.</p>	<p>65 days</p>
---------------------------	---	---	----------------

<p>The National Assembly</p>	<p>a) Nuclear power plants;</p> <p>b) Projects that change purposes of land in national parks, wildlife sanctuaries, landscape sanctuaries, experimental forests of 50 hectares or larger; headwaters protective forests of 50 hectares or larger; protection forests meant for protection against wind, sand, waves, land reclamation, environmental protection of 500 hectares or larger, production forests of 1,000 hectares or above;</p> <p>c) Projects that change purposes of land meant for rice cultivation with two or more crops of 500 hectares or larger;</p> <p>d) Projects that require relocation of 20,000 people or more in highlands; 50,000 people or more in other areas;</p> <p>e) Projects that require special policies decided by the National Assembly.</p>	<p>a) Documents for decision of investment policies by The Prime Minister;</p> <p>b) Proposed special policies (if any).</p>	<p>According to the General Meetings of the National Assembly</p>
------------------------------	--	--	---



STEP 2: ISSUANCE OF CERTIFICATE OF INVESTMENT

CASES IN WHICH THE CERTIFICATE OF INVESTMENT REGISTRATION IS REQUIRED	PROCEDURES FOR ISSUANCE OF CERTIFICATE OF INVESTMENT REGISTRATION
Investment project made by foreign-investor	<ul style="list-style-type: none"> * A written request for permission for execution of the investment project; * A copy of the ID card or passport (if the investor is an individual); a copy of the Certificate of establishment or an equivalent paper that certifies the legal status of the investor (if the investor is an organization);
Investment project made by foreign-invested business organizations (item 1, Article 23, LOI 2014) <ul style="list-style-type: none"> • 51% of charter capital or more is held by foreign investors, or the majority of the general partners are foreigners if the business organization is a partnership; • 51% of charter capital or more is held by the business organizations (foreign business); • 51% of charter capital or more is held foreign investors and the business organizations (foreign business). 	<ul style="list-style-type: none"> * An investment proposal that specifies: investor(s) in the project, investment objectives, investment scale, investment capital, method of capital rising, location and duration of investment, labor demand, requests for investment incentives, assessment of socio-economic effects of the project; * Copies of any of the following documents: financial statements; commitment of a financial institutions to provide financial support, etc; * Demand for land use; if the project does not use land allocated, leased out by the State, or is not permitted by the State to change land purposes, then a copy of the lease agreement or other documents certifying that the investor has the right to use the premises to execute the project shall be submitted; * Explanation for application of technologies to the project mentioned in Projects that use technologies on the List of technologies restricted from transfer prescribed by regulations of law on technology transfers; * The business cooperation contract (if the project is executed under a business cooperation contract).

**PROCESS OF PROCEDURES FOR ISSUANCE OF CERTIFICATE
OF INVESTMENT REGISTRATION**

**DEPARTMENT OF INVESTMENT &
PLANNING, MANAGEMENT BOARD
OF INDUSTRIAL ZONES/ EXPORT
PROCESSING & ECONOMIC ZONE/
HI-TECH PARK**

1

2

15 days

FOREIGN INVESTORS

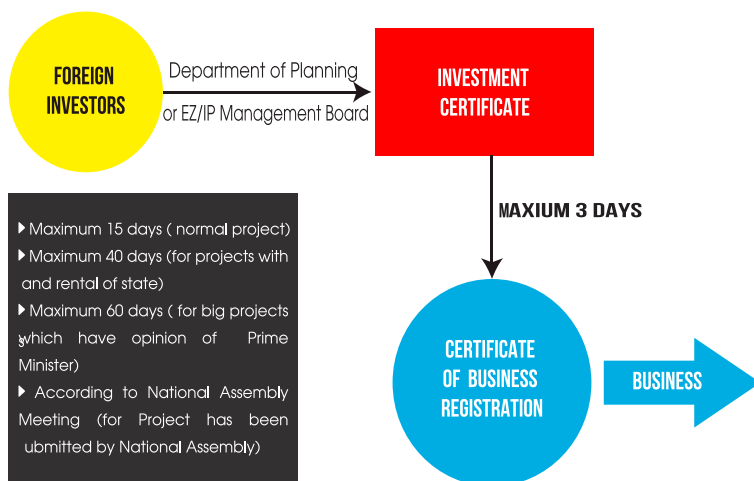


STEP 3: BUSINESS ESTABLISHMENT

Investors access to the National Business Registration website portal (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>) for more details about registration of Business Establishment.

Process of Issuance of Business Registration Certificate

(According to Decree No. 118/2015/ND-CP) dated on 12/11/2015 by Prime Minister on implementing Law of Investment)





II. TRA VINH PROVINCE'S PROCESS OF IMPLEMENTING INVESTMENT PROCEDURE



1. DOCUMENTS, SEQUENCES AND PROCEDURES FOR DECISION ON INVESTMENT POLICIES OF THE PEOPLE'S COMMITTEE OF TRA VINH

1. Investment projects under the authorities issuing decision on investment policies of the Provincial People's Committee at Article 32, LOI 2014:

- a) Projects that use land allocated or leased out by the State without auction or bidding or transfer; projects that require changes of land purposes;
- b) Projects that use technologies on the List of technologies restricted from transfer prescribed by regulations of law on technology transfers.

2. Investment project documents includes:

- a) A written request for permission for execution of the investment project according to form I.1 in the Circular No.16/2015/TT-BKHĐT dated 18/11/2015 by the Minister of Planning and Investment.
- b) A copy of the ID card or passport (if the investor is an individual)); a copy of the Certificate of establishment or an equivalent paper that certifies the legal status of the investor (if the investor is an organization).
- c) An investment proposal that specifies: investor(s) in the project, investment objectives, investment scale, demands for land use, investment capital, method of capital rising, location and duration of investment, labor demand, requests for investment incentives, assessment of socio-economic effects of the project; preliminary assessment of environmental impacts, explanation for application of technologies according to form I.2 in the Circular No.16/2015/TT-BKHĐT dated 18/11/2015 by the Minister of Planning and Investment.
- d) Copies of any of the following documents: financial statements of the latest 02 years of the investor; commitment of Parent company and a financial institution to provide financial support; the guarantee of financial capacity and documents explaining the financial capacity of investors...
- e) The business cooperation contract (BCC) if the project is executed under a business cooperation contract.

3. Number of records: 04 sets

4. Procedure and time of settlement: Within 17 working days (the processing time of each step includes time for profile rotation.

a) Step 1: Receive Application

- Investors come to the one-stop shop at the Department of Planning and Investment (DPI) to receive forms and guide how to declare investment procedures or visit website: www.travinh.gov.vn; www.travinh.gov.vn/wps/portal/skhdt for sample declaration of investment procedures.
- Investors submit application directly to the one-stop-shop or send by post.
- The one-stop-shop of DPI will receive and check the application file. If the application file is incomplete, DPI will notify investors in writing which amendments or additions are needed. If the application file is complete, DPI will inform investors and make an appointment in writing to return the results according to the regulations.
- If the application file is complete, within 02 working days, DPI will send the application and written requests for evaluation opinions from relevant state agencies.

b) Step 2: Collect evaluation opinions from relevant state agencies about contents under the state management .

Within 07 working days from the date of receiving the application file and written requests, the relevant agencies send written evaluation opinions about the contents under the state management of these units to DPI. Contents are evaluated as follows:

- Department of Planning and Investment: Evaluate the contents the investors proposed to issue investment registration certificate in accordance with the Investment Law No. 67/2014 / QH13 and documents guiding the implementation of Investment Law.
- Department of Construction: Evaluate the suitability of investment projects with construction planning, conformity with construction planning standards,, requirements for investors in the process of investment project planning and requirements on infrastructure connection according to the regulations.

- Department of Natural Resources and Environment: Evaluate the contents of conformity with land use zoning and planning, land use requirements, conditions for land allocation and land lease in accordance with the Land Law and the documents guiding the implementation of this Law, the environmental requirements prescribed by the Law on Environmental Protection and the documents guiding the implementation of this Law, observance of laws on land and environment.

- Department of Finance: Give opinions about the determination of water surface rent price, rate of incentives and investment support for the project in accordance with the regulations and other contents under the management field of the unit.

- Department of Science and Technology: To appraise the technology used in the project for the project stipulated in Point b, Clause 1, Article 32 in the Investment Law No. 67/2014 / QH13;

- Provincial Tax Department: There are opinions on investment incentives and conditions for investment incentives (for projects belong to incentive investment conditions);

- District People's Committee whose project expected to invest: To appraise the content in conformity with socio-economic development plan, location, boundary scope, area, land using status quo

- Departments and branches perform the State management specialized in appraising contents related to the specialized management according to law provisions (if any).

c) Step 3: To submit an appraisal report to Provincial People's Committee

Within two working days from the day of receipt of all appraisal opinions from agencies, the Department of Planning and Investment shall make the appraisal report and submit to the provincial People's Committee for consideration and decision on the investment policy.

d) Step 4: The provincial People's Committee shall consider and decide the investment policy

Within five working days from the date of receipt of the dossier and the appraisal report, the provincial People's Committee shall decide on the investment policy. In case of refusal, it shall notify in writing and clearly state the reasons

e) Step 5: Return the result to the investor

When there is the result of the investment policy of the provincial People's Committee, within one working day, the Department of Planning and Investment shall notify the result to the investor: to decide on the investment policy or the refusal invest document

2. PROCEDURE FOR GRANTING AN INVESTMENT REGISTRATION CERTIFICATE

Within two working days from the date of receipt of the decision on investment policy from the competent authority, the Department of Planning and Investment shall issue the investment registration certificate to the investor (as stipulated in Clause 1, Article 37 in the Investment Law No. 67/2014 / QH13).



III

INVESTMENT INCENTIVES

1. FORMS OF INVESTMENT INCENTIVES

Investment incentives are provided in the form of

1. Lower tax rate for life term or part thereof, with reduction / exemption;
2. Import duty exempt for assets creating fixed asset;
3. Reduction/exemption of land rental.

The details are basically provided by specific laws.

2. BENEFICIARIES OF INVESTMENT INCENTIVES

2.1. Projects of investment shall be eligible for investment incentives if the projects invest in the following business lines:

1. High-tech activities, high-tech ancillary products; research and development;
2. Production of new materials, new energy, clean energy, renewable energy; productions of products with at least 30% value added; energy-saving products;
3. Production of key electronic, mechanical products, agricultural machinery, cars, car parts; shipbuilding;
4. Production of ancillary products serving textile and garment industry, leather and footwear industry, and the products in Point c of this Clause;
5. Production of IT products, software products, digital contents;
6. Cultivation, processing of agriculture products, forestry products,
7. aquaculture products; afforestation and forest protection; salt production; fishing and ancillary fishing services; production of plant varieties, animal breads, and biotechnology products;

8. Collection, treatment, recycling of waste;
9. Investment in development, operation, management of infrastructural works; development of public passenger transportation in urban areas;
10. Preschool education, compulsory education, vocational education;
11. Medical examination and treatment; production of medicines, medicine ingredients, essential medicines, medicines for prevention and treatment of sexually transmitted diseases, vaccines, biological, herbal medicines, orient medicines; scientific research into preparation technology and/or biotechnology serving creation of new medicines;
12. Investment in sport facilities for the disabled or professional athletes; protection and development of cultural heritage;
13. Investment in geriatric centers, mental health centers, treatment for agent orange patients; care centers for the elderly, the disabled, orphans, street children;
14. People's credit funds, microfinance institutions

2.2. Projects of investment shall be eligible for investment incentives if the projects invest in the following locations:

1. Administrative divisions in disadvantaged area or extremely disadvantaged areas;
2. Industrial parks, export-processing zones, hi-tech zones, economic zones.

2.3. Any project in which the capital investment is at least VND 6,000 billion, or at least VND 6,000 billion is disbursed within 03 years from the day on which the Certificate of investment registration or decision on investment policies is issued;

2.4. Any investment project in a rural area that employ at least 500 workers;

2.5. High-tech companies, science and technology companies, and science and technology organizations.



**PART III: INVESTMENT
OPPORTUNITIES FOR
TRA VINH PROVINCE**

I

PRIORITIZED SECTORS AND PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT

I. THE FOLLOWING FOUR KEY AREAS ARE PRIORITIZED TO CALL FOR INVESTMENT

- Agriculture (high-tech agriculture, organic agriculture, ecological agriculture)
- Industry (mechanical engineering, logistics, energy, shipbuilding).
- Technical infrastructure (infrastructure zone, industrial complex, transport infrastructure).
- Services (resorts, restaurants, hotels, trade centers)



2. LIST OF PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT

NO.	PROJECT NAME	REMARKS
I	AGRICULTURE SECTOR	
1	High-tech brackish water shrimp farming	
2	Cooperation in production of organic shrimp in Tra Vinh province	Having impact on socio-economic development of the province
3	Cooperation in production, processing and consumption of coconut in Tra Vinh province	

4	Cattle (cow) breeding and beef-processed products project in planned concentrated farms	
II	INDUSTRY SECTOR	
1	Construction of shipyards, ship repair and mechanical manufacturing outsourcing	Having impact on socio-economic development of the province
2	Fruit processing plants (Dragon, Orange, Mango, banana, grapefruit, ...)	
3	Peanut and peanut-related products processing plant	
III	TOURISM	
1	Construction of Ba Om Pond Cultural Resort	
2	Duyen Hai Hot spring Resort	
IV	INFRASTRUCTURE INVESTMENT	
TRANSPORTATION		
1	Construction road 2 and 3 in Tra Vinh city, Tra Vinh province	
2	Transportation infrastructure construction in Dinh An economic zone	
INFRASTRUCTURE FOR INDUSTRIAL PARKS, INDUSTRIAL CLUSTERS		
1	Technical infrastructure projects for industrial parks	
2	Technical infrastructure projects for Co Chien industrial park	
3	Technical infrastructure projects for urban - services - industrial areas	Having impact on socio-economic development of the province
4	Technical infrastructure projects for Dinh An economic zone (bonded (logistic) and non-tariff zones)	

1. GENERAL REGULATIONS

1.1. Areas of investment incentives include:

- Areas with extremely difficult socio-economic conditions: Chau Thanh, Tra Cu, Dinh An Economic Zone.
- Areas with difficult socio-economic conditions: Cau Ngang, Tieu Can, Cau Ke, Tra Vinh city, Co Chien Industrial park.

1.2. Industries with special investment incentives and investment incentives (Attachment I of Decree 118/2015 / ND-CP dated 12/11/2015)



1.3. Industries in agricultural and rural sectors:

- Investment projects in agricultural sector implemented in the districts of Chau Thanh, Tra Cu and Dinh An Economic Zone will be eligible for receiving special investment incentives.
- Investment projects in agricultural sector implemented in the districts of Cau Ngang, Tieu Can and Cau Ke districts, Tra Vinh city, Co Chien Industrial Park will be eligible for receiving investment incentives.
- Investment projects in agricultural sector implemented in rural areas will belong to encouraging agricultural investment projects.

2. POLICIES ON INVESTMENT PREFERENCES

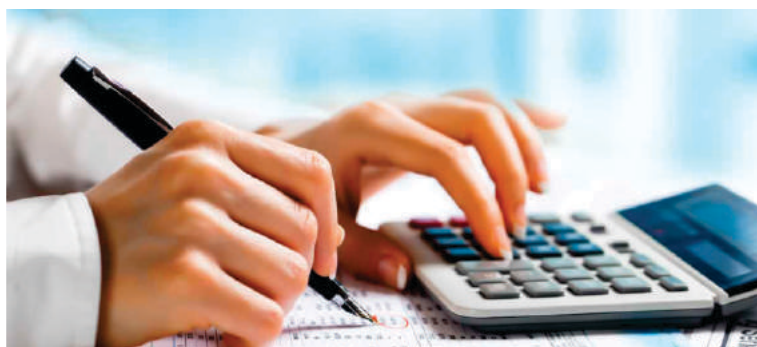
2.1. Tax preferences: Applied to the enterprises newly established from investment projects

a. Tax Rate Rate of coporation income Tax:

PREFERENCE DURATION (YEAR)	TAX RATE	SCOPE AND OBJECTS OF APPLICATION
During the operation duration (not exceeding 50 years)	10%	- Socializing sector. - Planting, taking care, protecting forests; agriculture farming, forestry, aquaculture in areas with difficult socio – economic conditions; production, multiplication and cross – breeding of manufacturing, human resources and breeding of varieties for plants, animals; investment in storage of agricultural products after harvesting etc.
15	10%	- Investment projects in Chau Thanh district, Tra Cu district, Dinh An Economic Area. - High technology, scientific research and technology development, water plant, power plant, power plant, water supply and drainage system, bridge, road, railway, airport etc. Production of software products etc.
10	17%	- Income from implementation of new investment projects in districts of Cau Ngang, Tieu Can, Cau Ke, Trà Vinh City, Co Chien Industrial Park. - Produce, refined foods for livestock, poultry, aquatic products; development of traditional trades etc.

b. Corporation Income Tax:

TAX EXEMPTION (YEAR)	TAX REDUCTION		SCOPE AND OBJECTS OF APPLICATION
	REDUCTION PERCENTAGE	DURATION (YEAR)	
04	50%	09	<ul style="list-style-type: none"> - In districts of Chau Thanh, Tra Cu and Dinh An Economic Area. - Investments into socialized sectors in districts of Chau Thanh, Tra Cu, Cau Ngang, Tieu Can, Cau Ke, Tra Vinh City, Dinh An Economic area, Co Chien Industrial Park.
04	50%	05	Socialized sectors in: Duyen Hai districts and Duyen Hai Town (outside Economic Area), Cang Long (outside Co Chien Industrial) and Tra Vinh city.
02	50%	04	<ul style="list-style-type: none"> - In districts of Cau Ngang, Tieu Can, Cau Ke, Tra Vinh City, Co Chien Industrial Park. - Producing, processing foods for livestock, poultry, aquatic products; development of traditional trades etc.



2.2. Priorities on land

Exemption of land leasing free

LAND LEASE FEE	SCOPE AND OBJECTS OF APPLICATION
Exemption	<ul style="list-style-type: none"> - The socialization projects in agricultural land lot, nonagricultural production and business land in rural areas in the province. - Projects in agricultural sector with special investment priorities. - Projects into the sectors with special investment priorities in the districts of Chau Thanh district, Tra Cu district and Dinh An Economic Area. - The projects using the land to construct the accommodations to the workers in the industrial park. - The land for implementing the protective forests, sea reclamation forests.
Exemption (The project cycle does not exceed 50 years)	The socialization projects in Urban area of districts Chau Thanh, Tra Cu and Dinh An Economic Area.
Exemption (The project cycle does not exceed 40 years)	The socialization projects in Urban area of districts Cau ngang, Cau Ke, Tieu Can and Tra Vinh City, Co Chien Industrial.
Exemption (The project cycle does not exceed 30 years)	The socialization projects in Urban area of districts Cang Long (outside Co Chien Industrial), Duyen Hai districts and Duyen Hải Town (outside Economic Area).

From the completion date to put the project into operation	Exemption for 15 years	<ul style="list-style-type: none"> - Agricultural production with investment priorities. - Projects in the sector with investment priorities in districts of Chau Thanh, Tra Cu và Dinh An Economic Area. - Projects in the sector with special investment priorities in districts of Cau Ngang, Cau Ke, Tieu Can, Tra Vinh City and Cô Chien Industrial Park.
	Exemption for 11 years	<ul style="list-style-type: none"> - Agricultural projects with investment encouragement. - Investment projects in district of Chau Thanh, Tra Cu and Dinh An Economic Area; projects in sectors with special investment priorities; projects in sectors with investment priorities in districts of Cau Ngang, Cau Ke, Tieu Can, Tra Vinh City and Co Chien Industrial park.
	Exemption for 07 years	<ul style="list-style-type: none"> - Investment projects in districts of Cau Ngang, Cau Ke, Tieu Can. Tra Vinh City and Co chien Industrial.
	Exemption for 03 years	<ul style="list-style-type: none"> - Projects in the list of sectors with investment prioroties. - New production and business establishment of economic organizations displaced in accordance with the plan or displaced due to environmental pollution

3. INVESTMENT SUPPORTS UNDER RESOLUTION 11/2016/NQ-HDND DATED 08/12/2016:

3.1 Support for compensation and site clearance (Clause 2 of Article 8 of Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016).

A support of 10% of the costs of compensation, site clearance, rehabilitation or investment in the construction of technical infrastructure facilities will be granted for investors investing in construction and business of technical infrastructure of functional areas in the Economic Zone and Industrial Parks; and a support of 20% of the costs of compensation, site clearance, rehabilitation or investment in the construction of technical infrastructure facilities will be granted for investors investing in construction and business of technical infrastructure in industrial clusters. The maximum amount of support will not exceed the amount of support from the Central Government.

3.2 Financial support for technical infrastructure construction (Clause 2 Article 9 of Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016)

For investors investing in the construction and trade of infrastructure in economic zones, industrial parks and industrial clusters, the provincial budget shall invest in the construction of traffic roads, electricity supply and water supply from the connecting points to the fence of functional areas in economic zones, industrial parks, industrial clusters. A support of 100% of expenses for elaboration of environmental impact assessment reports will be granted, but not greater than VND 1 billion per project and after project completion and being in operation.

Investment projects in building, renovating, upgrading and expanding rural markets in line with plans, after completion and being in operation will receive the following support:

- The investment capital of more than VND 2 billion to 4 VND billion will be supported VND 200 million.
- The investment capital of more than VND 4 billion to VND 7 billion will be supported VND 300 million.

- The investment capital of over VND 7 billion will be supported VND 400 million.

In cases where investors advance funds for the province to invest in the construction of roads mentioned in Clause 1 and build roads, power and water supply systems mentioned in Clause 2, they shall be refunded by the provincial budget for 3 years (three years) after the completed works are put into use. Investors will also be supported 100% of the bank interest rate under the loan contract with domestic commercial banks. In case of advances funded by capital of enterprises or loans from foreign banks, the support for interest rate shall be calculated according to the interest rate of the Vietnam Bank for Investment and Development in Tra Vinh branch within the above-said time limit.

3.3 Investment support for production and business in industrial clusters included in the approved master plans but not yet invested (Article 10 of Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016).

The province budget will be supported to construct roads to the fences of project sites. Specialized agencies will create favorable conditions for investors to receive services in relation to electricity and water supply, etc.

Support for costs of site clearance: A support of 50% of costs will be granted for investors who carry out the site clearance by themselves, but not greater than the following rates:

- Projects with the total investment capital of VND 5 billion to VND 10 billion will be supported VND 100 million.
- Projects with the total investment capital of VND 10 billion to VND 30 billion will be supported VND 300 million.
- Projects with the total investment capital of VND 30 billion to VND 50 billion will be supported VND 500 million.
- Projects with the total investment capital of VND 50 billion to less than VND 100 billion will be supported VND 01 billion.
- Projects with the total investment capital of VND 100 billion to less than VND 200 billion will be supported VND 02 billion.
- Projects with the total investment capital of VND 200 billion to less than VND

300 billion will be supported VND 03 billion.

- Projects with the total investment capital of more than VND 300 billion will be supported VND 04 billion.

3.4 Support for construction of environmental treatment systems (Article 11 of Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016)

Investors investing in building, renovating, upgrading environmental treatment systems for agricultural and aquacultural products processing, animal feeds and markets projects will receive one-time support:

1. For projects in Economic Zone, Industrial Parks and Clusters: support 30% of costs, but not greater than VND 100 million.
2. For projects outside Economic Zone, Industrial Parks and Clusters, and environmental treatment projects at markets: support 30% of costs, but not greater than VND 300 million.

3.5 Support for investment in agricultural and aquacultural products processing and reservation (Article 13 of Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016)

1. Support with facilities and technology equipment:

Investors will be supported 30% of costs, but not greater than VND 500 billion for the following investment items:

- a) Purchasing new technology facilities and equipment, fixed cold storages, mobile cold storages for processing and reserving meat, fish, vegetables, and fruit.
- b) Expanding investment, application of machinery and equipment, new technology for seafood processing.

2. Loan interest rate support:

- a) Support 40% interest rate for loans in the first two years but not exceeding 400 million VND for investors mentioned in Point a, Clause 1 of this Article.
- b) Support 20% interest rate for loans in the first two years but not exceeding 200 million VND for investors to purchase means of transport to serve their production, processing and preservation of agricultural products, sea-food products.

3.6. Support for recruitment and training of labor

NO	FORM OF SUPPORT	TRAINING TIME	FEE OF SUPPORT (VND/PERSON)
I	Projects regular using from 500 to less than 1,000 labors shall be supported from VND 150-300 million per project		
1	Vocational training for local labors at provincial training center, total of supporting fees are not more than VND 300 million per project	3 months and over	1.000.000
		Under 3 months	500.000
2	Vocational training at enterprise or on the spot, total of supporting fees are not more than VND 150 million per project .	3 months and over	500.000
		Under 3 months	250.000
II	Projects regular using over 5,000 labors shall be supported from VND 250-500 million per project		
1	Vocational training for local labors at provincial training center, total of supporting fees are not more than VND 500 million per project	3 months and over	1.000.000
		Under 3 months	500.000
2	Vocational training at enterprise or on the spot, total of supporting fees are not more than VND 250 million per project	3 months and over	500.000

3.7. Other supports: Advisory support for the creation, registration and protection of intellectual property; support the application of tools to improve the productivity and quality of products of enterprises; support the application of quality management system; support the relocation of production and business establishments that cause environmental pollution; financial support for investment, trade, and tourism promotion; support the establishment of enterprises (Resolution No. 11/2016 / NQ-HDND dated 08/12/2016).

APPENDIX: USEFUL CONTACT ADDRESSES

<p>MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT</p> <p>Address: 6B Hoang Dieu Str., Ha Noi, Vietnam Phone: (84) - 4 - 38455298 Fax: (84) - 4 - 38234453 Website: mpi.gov.vn</p>		<p>FOREIGN INVESTMENT AGENCY (FIA)</p> <p>Address: 6B Hoang Dieu Str., Ha Noi, Vietnam Phone: (84) - 4 - 37343758 Fax: (84) - 4 - 37343769 Website: fia.mpi.gov.vn</p>	
<p>INVESTMENT PROMOTION CENTER FOR NORTH VIETNAM (IPCN)</p> <p>Address: 65 Van Mieu Str., Ha Noi, Vietnam Phone: (84) -4 - 38454970/ 37473143 Fax: (84) - 4 - 38437927 Website: ipcn.mpi.gov.vn</p>	<p>INVESTMENT PROMOTION CENTER FOR CENTRAL VIETNAM (IPCC)</p> <p>Address: 103 Le Sat Str., Hai Chau District, Danang city, Vietnam Phone: (84) - 236 - 3797689/~669 Fax: (84) - 511 - 3797679 Website: centralinvest.gov.vn</p>	<p>INVESTMENT PROMOTION CENTER FOR SOUTH VIETNAM (IPCS)</p> <p>Address: 289 Dien Bien Phu Str., Dist.3, HCM city, Vietnam Phone: (84) - 8 - 39306671 Fax: (84) - 8 - 39305413 Website: http://ipcs.vn</p>	

OVERSEAS INVESTMENT PROMOTION OFFICES

<p>GERMANY Mr. Dang Quoc Tuan Primary Secretary, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in Germany</p>	<p>The Embassy of Vietnam, Elsenstrasse 3 - 12435 Berlin Tel:+49 30 9751076; Fax: +49 30 21238489 Email: qtuan629@gmail.com</p>
<p>FRANCE Mr. Le Cong Thanh Economic counsellor, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in France</p>	<p>The Embassy of Vietnam , 61 rue Miromesnil, Paris 75007 Tel: +33-954874337 Email: thanhmpi1971@gmail.com, lecong.thanhmpi@gmail.com</p>
<p>KOREA Ms. Dinh Thi Tam Hien Economic counsellor, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in Korea</p>	<p>The Embassy of Vietnam in Korea,128 Cukchon-ro, Jongno-gu,110-230, SEOUL, KOREA Email: hiendt@mpi.gov.vn ; tamhienmpi@gmail.com Tel/Fax:+82.2.737.2317 Mobile:+82-1095780924</p>
<p>LAOS Mr. Nguyen Dinh Ba Economic counsellor, Head of Economic Affairs, Embassy of Vietnam in Laos</p>	<p>The Embassy of Vietnam , No 85 23 Singha Road, Ban Phonxay, Saysettha District Vientiane, Laos Tel:+856 - 2099693939; Fax: +856 21 413379 Email: nguyendinhba39@gmail.com</p>
<p>JAPAN Mr. Nguyen Xuan Tien Primary Secretary, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in Japan In charge of Investment Promotion, Consulate General of Vietnam in Osaka, Japan</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam, 25-7-S205, Hatsudai 2-Chome, Shibuya-ku, Tokyo, 151-0061 Tel: (813) - 6300-9788; Fax: (813) - 6300- 9358 Email: xtienmpi@yahoo.com Consulate General of the S.R of Vietnam, 4-2-15 Inchinocho Higashi, Sakai-ku, Sakai shi, Osaka, Japan Tel: +81-72 221 6666 Fax: +81-72 221 6667</p>
<p>TAIWAN Mr. Nguyen Ba Cuong Assistant to Representative, In charge of Investment, Vietnam Economic and Cultural Office in Taipei, Taiwan</p>	<p>Vietnam Economic and Cultural Office in Taipei, 3F No. 65 Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan Tel: +886-251 66 626/ext.203; Mobile:+886-905159559; Fax:+886-2-25041761 Email: cuongfia@yahoo.com.vn</p>

<p>USA</p> <p>Mr. Tran Hong Ky Economic counsellor, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in the USA</p> <p>Mr. Hoang Viet Khang Economic counsellor, In charge of Investment Promotion, Consulate General of Vietnam in San Francisco, USA</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in the USA 1233 20th Street NW, Suite # 400 Washington DC, 20036, USA. Tel: +1 202-861-0737 ext. 231 ; Fax: 202-861-0917 Mobile: +1 202-403-7139 Email: tranhongky@vietel.vn; kytran@vietnamembassy.us</p> <p>Consulate General of Vietnam in San Francisco, 1700 California Str, Suite 580, San Francisco, CA 94109, USA Phone:+1-415-960-7548 Fax :+1-(415)-922-1848 Email: khangvgms@gmail.com; khanghv@mpi.gov.vn</p>
<p>SINGAPORE</p> <p>Ms. Nguyen Thi Thu Minh Primary Secretary, In charge of Investment Promotion, Embassy of Vietnam in Singapore</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in Singapore 10 Leedon Park, Singapore 267887 Tel/Fax: +65 66967709 ; Mobile: +65 86134686 Email: mpi_minh@yahoo.com.vn; nt-thuminh@mpi.gov.vn</p>

**PLANNING & INVESTMENT DEPARTMENT OF
TRA VINH PROVINCE**

Address: 19A Nam Ky Khoi Nghia Str., Ward 2, Tra Vinh city, Tra Vinh Province
Phone: (84) - 74 - 3753849; Fax: (84) - 74 - 3753848;
Email: xuctientravinh@gmail.com.

MANAGEMENT BOARD OF TRA VINH ECONOMIC ZONE

Address: 278 Bach Dang Str., Ward 4, Tra Vinh city, Tra Vinh Province
Phone: (84) - 74 - 3746681; Fax: (84) - 74 - 3746686;
Email: bqlkkttravinh@gmail.com

